

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lê Hoàng Th1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết M và anh Lê Hoàng Th1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Lê Hoàng Th1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Hoàng Th2, sinh ngày 04/10/2016.

Anh Th1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th2 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th2 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Th1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia đôi tài sản chung của anh Th1 về sổ vàng cưới 10 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

+ Chị M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 40207 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị M đã nộp xong án phí.

+ Anh Th1 không phải nộp án phí. Hoàn lại anh Th1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 452.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 40316 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Th1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Đ, huyện GCT;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Phú